

Bản án số: **88/2024/DS-PT**
Ngày 05 tháng 12 năm 2024
“V/v TC chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- **T phân Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Toàn
Ông Hoàng Tiến D

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hồng Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Thanh PH – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 102/2024/QĐXXPT-DS ngày 19/11/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960 (*có mặt*).

Địa chỉ: Tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1959 (*có mặt*).

Địa chỉ: Khu dân cư Phú An, phường P, thị xã P, tỉnh P.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Duy L - sinh năm 1954 (*có mặt*).

Địa chỉ: Tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P.

3. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1964 (*có mặt*).

Trú tại: Tổ 58, KDC Tân Bình, phường A, thị xã P.

3.2 Anh Nguyễn H H, sinh năm 1972 (*có mặt*).

Trú tại: Khu Du Nội, xã Mai L, huyện Đông Anh, T phố Hà Nội.

3.3 Anh Nguyễn Thuận H, sinh năm 1977 (*có mặt*).

Trú tại: Tổ 14, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội.

3.4 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1945 (*có mặt*).

Trú tại: tổ 9, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P.

3.5 Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1950 (*có mặt*).

Trú tại: tổ 15, khu dân cư Phú An, phường P, thị xã P, tỉnh P.

3.6 Bà Đàm Thị T, sinh năm 1953 (*vắng mặt*).

Trú tại: Khu Quyết Tiến, xã C, huyện T, tỉnh P.

3.7 Chị Nguyễn Thị Mai A, sinh năm 1979 (*vắng mặt*).

Trú tại: Khu 13, xóm Chòi, xã C, huyện T, tỉnh P.

3.8 Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981 (*vắng mặt*).

Trú tại: Khu Sụ Trong, xã C, huyện T, tỉnh P

3.9 Anh Nguyễn Đức PH, sinh năm 1982 (*vắng mặt*).

Trú tại: Khu 13, xóm Chòi, xã C, huyện T, tỉnh P.

3.10 Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1990 (*vắng mặt*).

Trú tại: Khu Quyết Tiến, xã C, huyện T, tỉnh P.

3.11 Anh Lã Mạnh H, sinh năm 1981 (*có mặt*).

Trú tại: Khu H Tiến, thị trấn D, huyện D, P.

3.12 Anh Lã Mạnh D, sinh năm 1985 (*vắng mặt*).

Trú tại: Khu H Tiến, thị trấn D, huyện D, P.

3.13 Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1962 (*có mặt*).

Trú tại: Tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P.

3.14. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1936 (*vắng mặt*).

Trú tại: Khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, anh H, anh H, anh H, anh D, bà L là bà Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1959 (*có mặt*).

Địa chỉ : Khu dân cư Phú Hà, phường P, thị xã P, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền củabà T, chị A, chị N, anh PH, anh T là ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1954 (*có mặt*).

Địa chỉ: Tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Duy L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và cũng là đại diện theo ủy quyền của Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan gồm chị Nguyễn Thị Kim T, anh Nguyễn H H, anh Nguyễn Thuận H, anh Lã Mạnh H, anh Lã Mạnh D, bà Phạm Thị L là bà Đỗ Thị H trình bày:*

Ông nội chị là cụ Nguyễn Duy M (đã chết năm 1961). Bà nội là cụ Phạm Thị X, sinh năm 1912, chết năm 2005. Khi cụ M, cụ X đã chết không có di chúc. Khi còn sống, cụ X đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ số 12, diện tích 247m² tại Khu 8, phường Trường Thịnh, thị xã P, tỉnh P (nay là tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P), loại đất ở đô thị. Cụ M và cụ X sinh được 07 người con là :

1/. Nguyễn Duy Thứ, sinh năm 1933, đã chết năm 1992 không có di chúc. Ông Thứ có người vợ thứ nhất và sinh được 02 người con gồm: Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị L. Vợ của ông Thứ và bố mẹ vợ ông Thứ đều đã chết trước ông Thứ. Sau khi vợ chết, ông Thứ có quan hệ như vợ chồng với bà Phạm Thị L và có 02 người con chung là Nguyễn H H, Nguyễn Thuận H.

2/. Nguyễn Thị H, sinh năm 1945, hiện sống tại tổ 9, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P.

3/. Nguyễn Thị D, sinh năm 1950, hiện sống tại tổ 15, khu dân cư Phú An, phường P, thị xã P, tỉnh P.

4/. Nguyễn Duy Nhâm, sinh năm 1952, đã chết năm 2013, có vợ và 04 người con là: Bà Đàm Thị T, chị Nguyễn Thị Mai A, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Mạnh T, anh Nguyễn Đức PH.

5/. Nguyễn Duy L, sinh năm 1954, hiện sống tại tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P.

6/. Nguyễn Thị Trúc sinh năm 1957 đã chết, chồng bà Trúc cũng đã chết và có 02 người con là Lã Mạnh H và Lã Mạnh D.

7/. Nguyễn Duy T, sinh năm 1962, hiện ở tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P.

Năm 2007, sau khi cụ X chết, bà L đã xây lại nhà trên đất của cụ X theo thỏa thuận của các con cụ X và di nguyện của cụ X. Thửa đất này khi cụ X còn sống đã cho bố bà L là ông Nguyễn Duy T (không làm T văn bản tặng cho, chưa sang tên cho ông T) để làm nơi thờ cúng bố mẹ bà L vì họ đều đã chết. Các cô chú của bà L đều đồng ý, riêng ông Nguyễn Duy L chỉ đồng ý cho bà L ở chứ không được sang tên thửa đất của cụ X.

Nay bà L yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ 12, diện tích 247m² tại tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P mang tên cụ Phạm Thị X. Yêu cầu cho bà L được sử dụng toàn bộ diện tích đất và bà L có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản bằng tiền cho những người khác có yêu cầu.

Từ năm 2007, bà L ở và đã có công tôn tạo đất, duy trì quản lý tài sản cho đến nay. Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết công duy trì, tôn tạo tài sản bằng 1 suất thừa kế cho bà L. Việc bà L tôn tạo đất có sự thừa nhận của các cô chú và hàng xóm liền kề.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ, không yêu cầu các đồng thừa kế pH thanh toán lại cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L thừa nhận toàn bộ lời trình bày của bà Đỗ Thị H – Người đại diện theo ủy quyền của chị là hoàn toàn đúng. Đề nghị HĐXX chia thừa kế là diện tích đất cụ X để lại và thanh toán công bảo quản, tôn tạo tài sản cho chị bằng một suất thừa kế.

** Bị đơn ông Nguyễn Duy L và cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền L nghĩa vụ liên quan là bà Đàm Thị T, chị Nguyễn Thị Mai A, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Đức PH và anh Nguyễn Mạnh T trình bày:*

Bố ông là cụ Nguyễn Duy M (đã chết năm 1961), mẹ là Phạm Thị X, sinh năm 1912, chết năm 2005. Khi cụ M, cụ X đều chết không có di chúc. Cụ X đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ 12, diện tích 247m² tại tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P (loại đất ở đô thị). Bố mẹ ông có sinh được 07 người con như đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày là đúng.

Năm 2007, được sự đồng ý của các anh chị em và ông, đã cho phép bà L phá nhà cũ của mẹ ông và xây 01 ngôi nhà cấp bốn khoảng 70m² để làm nơi ở vì chị L khi đó không có chỗ ở.

Hiện tại thửa đất số 14, tờ bản đồ 12 tại tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P vẫn mang tên Phạm Thị X. Anh chị em ông chưa họp bàn phân chia thừa kế hay tặng cho bất cứ ai.

Sau khi ông phục viên về nhà, đã được mẹ ông (cụ Xếp) cho vợ chồng ông một thửa đất vào năm 1976, cũng thuộc tại tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 mang tên Lê Thị D - vợ ông.

Khi cho bà L xây nhà để ở, gia đình ông đã lập văn bản thông nhất là bà L được phép ở cho đến khi chết và không được chuyển nhượng, mua bán, tặng cho, thừa kế cho bất cứ ai.

Ông đồng ý với yêu cầu của bà L về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ 12, diện tích 247m² tại tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P mang tên cụ Phạm Thị X. Ông yêu cầu pH chia đều cho 07 anh chị em của ông bằng quyền sử dụng đất. Phần của ông và gia đình ông Nhâm, ông xin được nhận bằng quyền sử dụng đất, không đồng ý việc bà L thanh toán suất thừa kế bằng tiền.

Ông không đồng ý về việc thanh toán công tôn tạo, duy trì tài sản bằng 1 suất thừa kế cho bà L. Ông thừa nhận quá trình bà L ở trên đất đã có công hạ nền phía sau của thửa đất xuống 1 chút. Toàn bộ nhà và công trình trên đất là do bà L xây dựng, còn các cây cối trên đất, bà L được toàn quyền sử dụng, ông không có ý kiến gì.

** Người có quyền L, nghĩa vụ viên quan gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Duy T đều trình bày:*

Bà H, bà D và ông T đều thừa nhận lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về mối quan hệ gia đình, di sản cụ X để lại là đúng.

Năm 2007, các anh chị em trong nhà đã họp gia đình và đồng ý cho bà L thửa đất mang tên cụ Xếp. Gia đình các ông bà có lập văn bản đồng ý cho bà L đất với điều kiện không được bán cho người ngoài. Sau đó văn bản trên đã đưa cho ông L để ông L làm thủ tục sang tên cho bà L. Tuy nhiên đến hiện tại ông L vẫn không làm thủ tục sang tên cho bà L. Hiện tại văn bản trên các ông bà không lưu giữ nên không cung cấp cho Tòa án được. Cũng trong năm 2007, bà L đã phá nhà cũ của cụ X và xây 01 ngôi nhà cấp bốn khoảng 70m² để làm nơi ở. Hiện tại thửa đất số 14, tờ bản đồ 12 tại tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P vẫn mang tên Phạm Thị X.

Bà H, bà D và ông T đồng ý với yêu cầu của bà L về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ 12, diện tích 247m² tại tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P mang tên cụ Phạm Thị X. Phần mà họ được thừa kế theo quy định của pháp luật xin tặng cho luôn bà L.

Bà H, bà D và ông T thừa nhận từ khi về ở trên đất của cụ X, bà L đã pH bỏ ra nhiều công sức để hạ nền vì đất của cụ X ở vị trí cao hơn mặt đường xóm rất nhiều; nhất trí dùng di sản thừa kế cụ X để lại thanh toán cho bà L về công duy trì, tôn tạo tài sản bằng 1 suất thừa kế. Toàn bộ nhà và công trình trên đất là do bà L xây dựng, còn các cây cối trên đất, bà L được toàn quyền sử dụng, họ không có ý kiến gì.

** Tại phiên tòa người có quyền L, nghĩa vụ viên quan là anh Lã Mạnh H có mặt trình bày:*

Mối quan hệ gia đình về cụ X, cụ M và các con cháu theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và của anh là bà H, ông L, bà H, bà D, ông T là chính xác. Bố anh chết trước mẹ anh. Anh đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của bà L. Phần của anh được hưởng thế vị của mẹ anh là bà Trúc anh xin được tặng cho luôn bà L. Anh đồng ý thanh toán công duy trì, tôn tạo tài sản cho bà L bằng một suất thừa kế và được trích từ di sản thừa kế cụ X để lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P đã xử:

Căn cứ Điều 609, 612, 613, 649, điểm a khoản 1 điều 650, điểm a khoản 1, khoản 2 điều 651, điều 654, khoản 3 điều 658, điều 660 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật Người cao tuổi Việt Nam năm 2009; * **Xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về yêu cầu chia di sản do cụ Phạm Thị X để lại để chia thừa kế.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc trích trả cho bà L công duy trì bảo quản tài sản bằng giá trị 01 suất thừa kế là 99.760.000đ (*chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Thị X gồm 07 người là Nguyễn Duy Thứ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Nguyễn Duy Nhâm, Nguyễn Duy L, Nguyễn Thị Trúc và Nguyễn Duy T.

Xác nhận người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Duy Thứ gồm chị Nguyễn Thị Kim T, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn H H, anh Nguyễn Thuận H. Người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Duy Nhâm là bà Đàm Thị T, chị Nguyễn Thị Mai A, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Mạnh T, anh Nguyễn Đức PH. Người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Trúc là anh Lã Mạnh H và anh Lã Mạnh D

Xác nhận di sản do cụ Phạm Thị X để lại để chia thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 14, tờ bản đồ 12, diện tích 247m². Địa chỉ thửa đất: tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P. Diện tích đất thực tế là 249,4m². Tổng trị giá tài sản là theo định giá là 798.080.000đ, hiện do bà Nguyễn Thị L đang quản lý.

Giao cho bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 14, tờ bản đồ 12, diện tích thực tế là 249,4m² Địa chỉ thửa đất: tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P.

Buộc bà Nguyễn Thị L pH thanh toán 01 suất thừa kế cho ông Nguyễn Duy L là số tiền 99.760.000đ (*chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*); Thanh toán cho vợ và các con ông Nguyễn Duy Nhâm là bà Đàm Thị T, chị Nguyễn Thị Mai A, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Mạnh T, anh Nguyễn Đức PH mỗi người 19.952.000đ (*mười chín triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng*);

Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 ông Nguyễn Duy L là Bị đơn kháng cáo không chấp chia di sản thừa kế T 08 phần và không chấp nhận chia bằng tiền như Bản án số 04/2024/DS-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia phần đất được hưởng thừa kế của ông Nhâm vào với phần đất của ông Nguyễn Duy L để đủ diện tích xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm nhà thờ cha mẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Duy L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 21/6/2024 của Tòa

án nhân dân thị xã P. Về án phí DSPT: Ông L được miễn án phí dân sự phúc thẩm(Chi tiết bài phát biểu lưu hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Bị đơn trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Duy L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]Thứ nhất; việc xác định những người được hưởng thừa kế và tính công duy trì, tôn tạo, bảo quản tài sản: Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Xgồm 07 người con là Nguyễn Duy Thứ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Nguyễn Duy Nhâm, Nguyễn Duy L, Nguyễn Thị Trúc và Nguyễn Duy T. Do ông Thứ và ông Nhâm đều đã chết nên Tòa án đã đưa vợ và các con của ông Nhâm và ông Thứ tham gia tố tụng với tư cách người thừa kế thế vị là đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết các đương sự đều thừa nhận trong thời gian sử dụng đất bà Nguyễn Thị L đã có công san lấp, hạ cốt nền để làm nhà nên Tòa án tính công duy trì bảo quản tài sản cho bà L bằng 01 suất thừa kế là phù hợp và đúng quy định.

[2.2]Thứ hai; đối với yêu cầu chia di sản bằng hiện vật: Di sản thừa kế của cụ Phạm Thị X để lại là thửa đất số 14 (nay là thửa 379), tờ bản đồ 12 (nay là tờ bản đồ số 15), diện tích thực tế theo đo đạc hiện nay là 249,4 m². Địa chỉ thửa đất: tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do văn phòng đăng ký đất đai thị xã P thực hiện thì diện tích thửa đất là 249,4 m²; phần tiếp giáp phía sau và hai bên liền kề với các hộ dân khác; bề mặt phía trước giáp với đường bê tông có chiều dài 3,65m; Trên thửa đất bà Nguyễn Thị L đã xây dựng 01 nhà xây và một số công trình khác gần hết bề mặt diện tích đất.

Theo Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của UBND tỉnh P, sửa đổi bổ sung Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh P quy định: *Thửa đất ở chỉ được tách thửa khi diện tích của các thửa đất hình T sau khi tách từ thửa đất đó không nhỏ hơn 50m² và đảm bảo kích thước tối thiểu của chiều rộng, chiều sâu của thửa đất không nhỏ hơn 4,0m; Thửa đất mới hình T từ việc tách thửa pH đảm bảo có lối đi từ thửa đất ra đường giao thông công cộng: đối với khu vực có quy hoạch chi tiết 1/500, lối đi thực hiện theo quy hoạch chi tiết được cấp thẩm quyền phê duyệt; đối với khu vực không có quy hoạch chi tiết, lối đi pH đảm bảo có bề rộng mặt cắt ngang không nhỏ hơn 4,0 m; Do vậy, mặc dù ông L được bà Đàm Thị T đồng ý tặng cho phần thừa kế của mình NH việc phân chia thừa kế bằng diện tích đất theo yêu cầu của ông L vẫn không khả thi, không đáp ứng được các tiêu chí khi tách thửa nêu trên. Mặt khác nếu chia tách bằng diện tích đất sẽ pH phá dỡ một phần ngôi nhà do bà L xây dựng trên đất từ năm 2007, điều đó ảnh hưởng rất lớn đến công năng, giá trị tài sản của bà L. Bà L*

cũng đã được các chị em ruột của mình là chị T, anh H, anh H tặng cho phần thừa kế thế vị mà họ được hưởng từ ông Thứ. Ngoài ra bà L còn được ông T, bà H, bà D và các con bà Trúc là anh H, anh D tặng cho phần thừa kế họ được hưởng. Như vậy, bà L đã được hưởng 05 suất thừa kế của cụ X để lại. Do vậy, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã P giao chị bà Nguyễn Thị L thừa đất số 14 (nay là thửa 379), tờ bản đồ 12 (nay là bản đồ số 15), diện tích thực tế là 249,4m²; Địa chỉ thửa đất: tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P và thanh toán tiền cho các đồng thừa kế là phù hợp.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên: Xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Duy L là không phù hợp nên không được chấp nhận. Do vậy, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của ông L không được chấp nhận nên pH chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông L là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Duy L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P.

[2] Căn cứ các Điều 609, 612, 613, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651, Điều 654, khoản 3 Điều 658, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về yêu cầu chia di sản do cụ Phạm Thị X để lại để chia thừa kế.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc trích trả cho bà L công duy trì bảo quản tài sản bằng giá trị 01 suất thừa kế là 99.760.000đ (*chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Thị X gồm 07 người là Nguyễn Duy Thứ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Nguyễn Duy Nhâm, Nguyễn Duy L, Nguyễn Thị Trúc và Nguyễn Duy T.

Xác nhận người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Duy Thứ gồm chị Nguyễn Thị Kim T, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn H H, anh Nguyễn Thuận H. Người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Duy Nhâm là bà Đàm Thị T, chị Nguyễn Thị Mai A, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Mạnh T, anh Nguyễn Đức PH. Người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Trúc là anh Lã Mạnh H và anh Lã Mạnh D.

Xác nhận di sản do cụ Phạm Thị X để lại để chia thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 14 (nay là thửa 379), tờ bản đồ 12 (nay là bản đồ số 15), diện tích 247 m². Địa chỉ thửa đất: tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P. Diện tích đất thực tế là 249,4m². Tổng trị giá tài sản là theo định giá là 798.080.000đ, hiện do chị Nguyễn Thị L đang quản lý.

Giao cho bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 14 (nay là thửa 379), tờ bản đồ 12 (nay là bản đồ số 15), diện tích thực tế là 249,4m²Địa chỉ thửa đất: tổ 8, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh P.

Buộc bà Nguyễn Thị L pH thanh toán 01 suất thừa kê cho ông Nguyễn Duy L là số tiền 99.760.000đ (*chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*); Thanh toán cho vợ và các con ông Nguyễn Duy Nhân là bà Đàm Thị T, chị Nguyễn Thị Mai A, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Mạnh T, anh Nguyễn Đức PH mỗi người 19.952.000đ (*mười chín triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

[3]. Về án phí phúc thẩm:Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;khoản 1, 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Miễn án phí cho ông Nguyễn Duy L.

Các quyết định khác của cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh P;
- THADS thị xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Vũ